TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà) Lê Tự Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hoanh
2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam *tham gia phiên toà:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn và con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ-HPT ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu N
Trú tại: thôn 4, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.
- ***Bị đơn:*** Ông Ngô Hồng A
Trú tại: thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 30 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Nguyễn Thị Thu N (nguyên đơn) trình bày:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Ngô Hồng A kết hôn trên cơ sở tự nguyên, có đăng ký kết hôn số 67/2016 vào ngày 16 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Bà N và ông A chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A nghiện đá, hút cỏ, ham chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con và bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã H, thị xã Đ sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Hồng A để bà được tự do định đoạt cuộc sống riêng cho mình.

Tại văn bản ghi ý kiến của ông Ngô Hồng A (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông A đồng ý với lời trình bày của bà N về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra.

Nay ông A đã thấy được cái sai của mình, mong bà N bỏ qua để vợ chồng trở về đoàn tụ, bản thân ông hứa sẽ khắc phục tất cả những gì sai trái trong thời gian qua để lo làm ăn quan tâm đến vợ con.

[2]. Về con chung:

Bà N khai nhận vợ chồng có một con chung là Ngô Bảo T, sinh ngày 12 tháng 6 tháng 2017.

Bà N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông A công nhận vợ chồng có một con chung như bà N khai, nếu bà N cương quyết ly hôn ông A cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Bà N và ông A tự thỏa thuận giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn bà N thực hiện quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông A tại phiên tòa vào ngày 25 tháng 01 năm 2018 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông A có mặc.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Bà N và ông A xác lập hôn nhân trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện vào ngày 16 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A nghiện đá, hút cỏ, ham chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Tại hồ sơ và tại phiên tòa bà N kiên quyết xin được ly hôn với ông A. Đối với ông Ạ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông A là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Quan hệ con chung: Bà N và ông A khai thống nhất có một con chung là Ngô Bảo T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2017. Bà N và ông A cùng có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét thực tế thì thấy hiện tại cháu T còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, đang cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con vị thành niên nên giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Hiện tại ông A có nghề nghiệp và thu nhập hàng tháng 8.000.000 đồng, nên ông A cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà N là phù hợp.

- Quan hệ tài sản chung: Bà N và ông A tự thỏa thuận giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Ngô Hồng A đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ vào ngày 16 tháng 9 năm 2016 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông A là hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A nghiện đá, hút cỏ, ham chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Đối với ông A cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như bà N trình bày. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn xảy ra bà N đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở xã H, thị xã Đ sinh sống từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Thực tế giữa bà N và ông A không còn chung sống nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Bà N và ông A đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông A thừa nhận bản thân có lâm vào các tệ nạn xã hội như nghiện đá, hút cỏ. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Ngô Bảo T đều do bà N nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Hiện tại cháu T còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, đang cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà N là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Ông A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông A đóng góp nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng nhưng ông A không đồng ý. Xét thấy, việc nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, hiện tại ông A làm nghề lái xe và thu nhập hàng tháng 8.000.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu đóng góp nuôi con của bà N và ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Bà N và ông A tự thỏa thuận giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Ngô Hồng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Ngô Hồng A.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Bảo T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Ngô Hồng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trâm đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền trên, thì hằng tháng ông A còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có sự thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông A có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông A tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0010807 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà N đã nộp đủ.

Ông Ngô Hồng A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Lê Hồng A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái